

Trong trường hợp có vấn đề chưa nhất trí giữa Ủy ban nhân dân xã, thị trấn hoặc của thủ trưởng đơn vị xí nghiệp, cơ quan, trường học với Ban y tế và thể dục thể thao huyện thì trạm y tế và các ban thể dục thể thao ở xã, thị trấn, ở xí nghiệp, cơ quan, trường học phải báo cáo với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn hoặc thủ trưởng đơn vị đồng thời báo cáo với ban y tế và thể dục thể thao huyện biết để cùng bàn bạc giải quyết.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào bản hướng dẫn này, các Sở, Ty y tế và các Sở, Ty thể dục thể thao cùng xuống phối hợp nghiên cứu giúp đỡ các Ban y tế và thể dục thể thao ở một số huyện điếm xây dựng phương án cụ thể và lập kế hoạch sửa đổi tổ chức y tế và thể dục thể thao huyện, thống nhất với Ủy ban nhân dân huyện nơi đó để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện, đồng thời thông qua thực tế đó mà đúc rút kinh nghiệm để triển khai sang các huyện khác trong tỉnh, thành phố mình.

2. Song song với việc sửa đổi tổ chức, các Sở, Ty y tế và các Sở, Ty thể dục thể thao cần tập trung giúp đỡ cho Ban y tế và thể dục thể thao huyện lập được quy hoạch về công tác y tế và thể dục thể thao của huyện (quy hoạch mạng lưới, quy hoạch cơ sở vật chất kỹ thuật, quy hoạch sản xuất kinh doanh và quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật) phù hợp với phương hướng tiến lên sản xuất lớn của huyện và xây dựng được kế hoạch năm để từng bước thực hiện quy hoạch đó. Bộ Y tế và Tổng cục Thể dục thể thao sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

3. Trong quá trình áp dụng bản hướng dẫn này và tổ chức thực hiện cụ thể, nếu có vấn đề gì mới hoặc cần thay đổi cho phù hợp thì các

Sở, Ty y tế và các Sở, Ty thể dục thể thao cần báo cáo kịp thời về Bộ Y tế và Tổng cục Thể dục thể thao để nghiên cứu bổ sung hoặc sửa đổi.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 1978

Tổng cục trưởng Tổng cục

Thể dục thể thao

LÊ ĐỨC CHÍNH

Bộ trưởng Bộ Y tế

Bác sĩ VŨ VĂN CẦN

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC

**QUYẾT ĐỊNH số 475-KHKT/QĐ ngày
16-11-1978 ban hành 27 tiêu chuẩn
Nhà nước.**

CHỦ NHIỆM

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8 1963 của Hội đồng Chính phủ về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành 27 (hai mươi bảy) tiêu chuẩn về thuốc thử chất chỉ thị, phương pháp xác định hàm lượng nước, tạp chất kation và anion; Mối ghép then hoa răng chữ nhật; Linh kiện bán dẫn. Hệ thống ký hiệu. (Danh mục kèm theo quyết định này).

DANH MỤC TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC ĐÃ BAN HÀNH

(kèm theo quyết định số 475 - KHKT/QĐ ngày 16-11-1978)

Số TT	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên gọi tiêu chuẩn	Hình thức ban hành	Ngày có hiệu lực	Phạm vi áp dụng
1	2	3	4	5	6
1	TCVN 2299-78	Chất chỉ thị. Quỳ	Khuyến khích áp dụng		Các ngành, các địa phương có liên quan
2	TCVN 2300-78	Chất chỉ thị. Tropéolin 00	-nt-		-nt-
3	TCVN 2301-78	Chất chỉ thị. Tropéolin 000	-nt-		-nt-
4	TCVN 2302-78	Chất chỉ thị. Dimétyla vàng	-nt-		-nt-
5	TCVN 2303-78	Chất chỉ thị. Iodéozin	-nt-		-nt-
6	TCVN 2304-78	Chất chỉ thị. Fénola đỏ	-nt-		-nt-
7	TCVN 2305-78	Chất chỉ thị. Métyla da cam	-nt-		-nt-
8	TCVN 2306-78	Chất chỉ thị. Công gô đỏ	-nt-		-nt-
9	TCVN 2307-78	Chất chỉ thị. Crézola đỏ	-nt-		-nt-
10	TCVN 2308-78	Chất chỉ thị. Métyla đỏ	-nt-		-nt-
11	TCVN 2309-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng nước	-nt-		-nt-
12	TC VN2310-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định tạp chất kim loại nặng	-nt-		-nt-
13	TCVN 2311-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất Amoni	-nt-		-nt-
14	TCVN 2312-78	Thuốc thử. Phương pháp so màu ngọn lửa xác định hàm lượng tạp chất Natri, Kali, Canxi và stronti	-nt-		-nt-
15	TCVN 2313-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất đồng	-nt-		-nt-
16	TCVN 2314-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất sắt	-nt-		-nt-
17	TCVN 2315-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định tạp chất Anion. Những chỉ dẫn chung	-nt-		-nt-
18	TCVN 2316-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất axit silicic	-nt-		-nt-
19	TCVN 2317-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định tổng hàm lượng tạp chất nitơ	-nt-		-nt-
20	TCVN 2318-78	Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất nitrat (trong dung dịch không màu)	-nt-		-nt-
21	TCVN 2319-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất sunfat (trong dung dịch không màu)	-nt-		-nt-
22	TCVN 2320-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất clorua (trong dung dịch không màu)	-nt-		-nt-
23	TCVN 2321-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất cacbonat	-nt-		-nt-
24	TCVN 2322-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định hàm lượng tạp chất phốt phát (trong dung dịch không màu)	-nt-		-nt-
25	TCVN 2323-78	Thuốc thử. Phương pháp xác định tạp chất Anion. Xác định hàm lượng tạp chất nitrit.	-nt-		-nt-
26	TCVN 2324-78	Mối ghép then hoa răng chữ nhật. Dung sai	Chính thức áp dụng	1-1-1979	-nt-
27	TCVN 2325-78	Linh kiện bán dẫn. Hệ thống ký hiệu	-nt-	-nt-	-nt-

09636227

Điều 2. — Tùy theo hình thức ban hành, ngày có hiệu lực và phạm vi áp dụng, các tiêu chuẩn trên phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong tất cả các ngành, các địa phương có liên quan trong toàn quốc.

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 1978

K. T. Chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Phó chủ nhiệm

LÊ KHẮC

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 30-BYT/TT ngày 15-11-1978 hướng dẫn thực hiện nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về việc phát triển dược liệu trong nước.

Hội đồng Chính phủ vừa ra nghị quyết số 200-CP ngày 21-8-1978 về việc phát triển dược liệu trong nước, tạo điều kiện đầy mạnh công nghiệp dược phẩm và tăng nguồn hàng xuất khẩu. Dựa vào mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp đã được ghi trong nghị quyết, nay Bộ Y tế hướng dẫn những vấn đề cụ thể về các địa phương nghiên cứu vận dụng thực hiện thống nhất trong toàn ngành.

I. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Nghị quyết đề ra 3 mục tiêu:

1. Bảo đảm đến mức cao nhất việc sản xuất thuốc phòng bệnh, chữa bệnh và thuốc bò.
2. Cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp dược phẩm, phấn đấu đến năm 1985 trở đi:

2.1. Đạt trên 80% tổng giá trị nguyên liệu của các xí nghiệp dược phẩm địa phương.

2.2. Đạt trên 30% tổng giá trị nguyên liệu của các xí nghiệp dược phẩm trung ương.

3. Tăng kim ngạch xuất khẩu để nhập được liệu và thiết bị y tế cần thiết.

Trong chỉ thị số 23-BYT/CT ngày 17-7-1976 Bộ Y tế đã quy định ở xã trồng từ 25 đến 35 cây thuốc nam để chữa 7 chứng bệnh thông thường dưới dạng dùng tươi, chè hay thuốc thang là chủ yếu. Một số nơi có làm cao đơn hoàn tán. Thuốc nam ở xã nói chung chưa được quy định thành chỉ tiêu và đặt trong kế hoạch dược liệu của huyện, tỉnh. Để tạo điều kiện phát triển một cách vững chắc thuốc nam tại xã, từ nay thuốc nam ở xã phải được đặt trong kế hoạch phát triển dược liệu của huyện và tỉnh.

Cho tới nay, một số huyện đã có kế hoạch sản xuất thuốc không những để dùng cho các cơ sở y tế ở tuyến huyện mà còn để bán cho y tế các xã và bán lẻ cho nhân dân. Dạng thuốc thường là chè, thuốc thang và cao đơn hoàn tán. Dược liệu dùng ở đây cũng cần đưa vào chỉ tiêu kế hoạch chung của tỉnh.

Ở tuyến tỉnh, từ nhiều năm nay, dược liệu đã được ghi vào kế hoạch Nhà nước, có chỉ tiêu nuôi trồng, thu mua và sản xuất ra thành phẩm, tại xí nghiệp dược phẩm địa phương. Dạng thuốc phân phối ở tuyến tỉnh, ngoài các dạng ở xã, huyện, còn có các thuốc sản xuất dưới dạng tân dược.

Từng tỉnh vừa phải bảo đảm nhu cầu dược liệu của địa phương (từ xã đến huyện, tỉnh) vừa làm nghĩa vụ bán cho các công ty cấp I của Bộ Y tế hoặc Bộ Ngoại thương để xuất khẩu. Khuyết điểm lớn của kế hoạch phát triển dược liệu lâu nay là trên nhiều mặt không được cân đối, nên rất bị động.

Để có thể kế hoạch hóa được ở từng địa phương và cả nước, cần thống nhất cách tính nhu cầu dược liệu của mỗi tỉnh, thành. Nhu cầu này bao gồm nhu cầu của xã, huyện và của tỉnh, nhu cầu bảo đảm thuốc của địa phương và phần bán cho trung ương (y tế và ngoại thương).